

	<p>-Bài 4: HS khá giỏi. 2.Kĩ năng: Đọc, viết, đếm các số trong phạm vi 5. 3.Thái độ: Hứng thú trong học tập.</p>	<p>-Làm đúng BT2, BT3a/b. -Rèn HS viết cẩn thận.</p>
ĐDDH: -GV: bảng phụ, SGK. -HS: SGK, bảng con, vở BT.		<p>-Bảng phụ, SGK. -Bảng con, SGK, vở BT.</p>
HD dạy-học:		
Ổn định: Ktbc: 2HS đếm viết 1-5, 5-1. Bài mới:		
<p>*Bài 1: Thực hành nhận biết số lượng và đọc viết số. -GVHDHS làm bài. -HS làm bài, nêu kết quả.</p>		<p>1.Giới thiệu bài: 2.HD tập chép. a.HDHS chuẩn bị: -GV đọc bài chính tả. 2,3 HS đọc lại. -Giúp HS nắm nội dung: +Vì sao cha Nai Nhỏ yên lòng cho con đi chơi với với bạn? Vì biết bạn con mình khỏe mạnh, thông minh, nhanh nhẹn, liều mình cứu người khác.</p>
<p>*Bài 2: GVHDHS điền số tương ứng. -HS làm bài, nêu kết quả. -Nhận xét.</p>		<p>+Bài chính tả có mấy câu? 4 câu. +Chữ đầu câu viết ntn? Viết hoa chữ cái đầu. +Cuối câu có dấu gì? Dấu chấm. -HS viết bảng con những chữ dễ viết sai.</p>
<p>*Bài 3: Viết số thích hợp vào ô trống. -HS làm bài, nêu kết quả. -Nhận xét.</p>		<p>b.HS chép bài vào vở. c.Chấm và chữa bài.</p>
<p>*Bài 4: -GVHDHS viết 1 hàng các số 1 2 3 4 5.</p>		<p>3.Bài tập. *Bài 2: Điền ng hay ngh. - HS nêu yêu cầu của bài. -HS lên bảng làm mẫu. -Lớp làm VBT. -Nhận xét. +ngày tháng, nghỉ ngơi, người bạn, nghề nghiệp.</p>
<p>*Trò chơi: Xếp theo thứ tự. -GVHDH cách chơi: xếp các tấm bìa có ghi số 1 2 3 4 5 theo thứ tự từ bé đến lớn. -HS chơi trò chơi.</p>		<p>*Bài 3: Điền ch hay tr, đõ hay đồ. -Cả lớp làm VBT. -Nhận xét, sửa bài. +cây tre, mái che, trung thành, chung sức. +đổ rác, thi đỗ, đổ mưa, xe đỗ lại.</p>
<p>NHẬN XÉT-DẶN DÒ: -Về làm VBT. Chuẩn bị: Dấu bé. Dấu <.</p>		<p>-Về đọc bài. Chuẩn bị: Gọi bạn.</p>

-Nhận xét tiết học.	-Nhận xét tiết học.
---------------------	---------------------

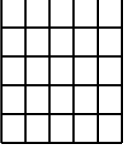
	TV ô-ơ.	TOÁN 26+4, 36+24.
MT:	<p>1.Kiến thức: Đọc được: ô, ơ, cô, cờ. Từ và câu ứng dụng.</p> <p>2.Kĩ năng: Viết được: ô, ơ, cô, cờ. -Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: vó bè.</p> <p>3.Thái độ: Tự tìm tòi khám phá kiến thức mới.</p>	<p>-Biết cách thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 26+4 và 36+24.</p> <p>-Bài 3: HS khá giỏi.</p> <p>-Biết giải bài toán bằng một phép tính cộng.</p> <p>-Biết ứng dụng bài toán vào thực tế.</p>
ĐDDH: -GV: Tranh minh hoạ từ khoá, câu ứng dụng, phần luyện nói. -HS: Bảng con, SGK, tập viết.		<p>-4 bó que tính và 10 que rời.</p> <p>-Bảng con, SGK, vở BT.</p>
HD dạy-học:		
Ổn định: Ktbc: 2HS đọc viết bài: o, c Bài mới:		2HS tính: $7+3+2=$ $8+2+6=$
<p>-Hôm nay học âm và chữ mới: ô-ơ.</p> <p>-GV đọc: ô-cô, ơ-cờ. HS đọc theo GV.</p> <p>-GV ghi bảng: ô nói: ô gồm 1 nét cong kín và thêm dấu mũ trên o.</p>		<p>1.Giới thiệu phép cộng 26+4.</p> <p>-GV giơ 2 bó que tính: có mấy chục que? giơ tiếp 6 que: có thêm mấy que? Có 2 chục que và có thêm 6 que.</p> <p>-Có tất cả mấy que? Có 26 que.</p> <p>-Viết 6 cột đvị, 2 cột chục.</p> <p>-Giơ 4 que: có thêm mấy que? Viết vào cột nào? Có thêm 4 que viết vào cột đơn vị.</p> <p>-26+4 bằng mấy? Có mấy bó que? 3 bó que, 3 chục que.</p> <p>-Vậy 26+4 bằng mấy? Viết 0 cột đvị thẳng cột với và 4.Viết 3 cột chục thẳng cột với 2.</p> <p>-GV ghi bảng: $26+4=$</p> <p>-GVHDHS đặt tính.</p> $\begin{array}{r} 26 \\ + 4 \\ \hline 30 \end{array}$ <p>-6 cộng 4 bằng 10, viết 0 nhớ 1. -2 thêm 1 là 3, viết 3.</p>
<p>-So sánh: ô với o.</p> <p>+Giống: chữ o</p> <p>+Khác: ô có dấu mũ.</p>		2.Giới thiệu phép cộng 36+24 (tt). xét.
-GV phát âm: cô. HS phát âm.		3.Thực hành.

<p>-GV ghi bảng: cô và đọc. HS đọc: cô. -Vị trí. c đứng trước ô đứng sau. -HD đánh vần: cờ-ô-cô. HS đánh vần, đọc trơn.</p>	<p>*Bài 1: Tính. -HS làm bài. Nêu kết quả. -Nhận</p> $\begin{array}{r} 35 \\ + 5 \\ \hline 40 \end{array} \quad \begin{array}{r} 42 \\ + 8 \\ \hline 50 \end{array} \quad \begin{array}{r} 81 \\ + 9 \\ \hline 90 \end{array}$
<p>-GVHD qui trình viết. -HV viết bảng con. -HD: ơ (tt).</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p>	<p>*Bài 2: HS đọc đề toán, tóm tắt rồi giải. -Nhận xét.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải.</p> <p style="text-align: center;">Số con gà cả 2 nhà nuôi: $22+18=40$ (con gà). ĐS: 22 con gà.</p>
<p>-GV cho HS đọc tiếng ứng dụng. Cá nhân nhóm. -Nhận xét sửa sai.</p>	<p>*Bài 3: HS nêu cách làm. -HS làm. -Nhận xét.</p> <p>$19+1=20$ $10+10=20$ $16+4=20$ $13+7=20$</p>
<p>NHẬN XÉT-DẶN DÒ: -Về đọc bài. Chuẩn bị: tiết 2. -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-Về làm VBT. Chuẩn bị: luyện tập. -Nhận xét tiết học.</p>

	TV ô-ơ.	TĐ GỌI BẠN.
MT:	Tiết 2.	<p>1.Kiến thức: Hiểu nghĩa của các từ chú giải trong bài. -Hiểu nội dung bài: Tình bạn cảm động giữa Bê Vàng và Dê Trắng. 2.Kĩ năng: Đọc trơn toàn bài. Đọc đúng các từ ngữ: thuở nào, sâu thẳm, lang thang, khắp nẻo... -Ngắt nhịp rõ ở từng câu thơ, nghỉ hơi sau mỗi khổ thơ. -Học thuộc lòng 2 khổ cuối bài thơ. 3.Thái độ: Biết quan tâm giúp đỡ bạn.</p>
ĐDDH:		<p>-GV: Tranh minh họa bài đọc. -HS: SGK.</p>
HD dạy-học:		
Ổn định: Ktbc: Bài mới: Tiết 2.		<p>2HS đọc bài: Bạn của Nai nhỏ. Trả lời câu hỏi SGK.</p>
a.Luyện đọc: -HS lần lượt phát âm. Cá nhân, lớp.		<p>1.Giới thiệu bài: 2.Luyện đọc:</p>

-Đọc các từ ứng dụng.	a.GV đọc bài b.HDHS luyện đọc kết hợp giải nghĩa từ: -Đọc từng dòng thơ. HS nối tiếp nhau đọc. -Đọc từng khổ thơ trước lớp. HS nối tiếp nhau đọc. -HDHS đọc ngắt giọng. -HS đọc chú giải.
-GV giới thiệu câu ứng dụng. -HS thảo luận tranh. -HS đọc câu. -GV đọc mẫu. 2,3HS đọc.	c.Đọc từng đoạn trong nhóm. d.Thi đọc giữa các nhóm. e.Lớp đồng thanh.
b.Luyện viết: -HS viết tập viết.	3.Tìm hiểu bài: -Đôi bạn Bê Vàng và Dê trắng sống ở đâu? Đôi bạn sống trong rừng xanh sâu thẳm. -Vì sao Bê Vàng phải đi tìm cỏ? Vì Trời hạn hán, cỏ cây héo khô, đôi bạn không còn gì để ăn.. -Khi Bê Vàng quên đường về, Dê Trắng làm gì? Dê Trắng thương bạn, chạy khắp nơi tìm gọi bạn.
c.Luyện nói: -HS đọc tên bài. -Trong tranh em thấy gì ? -Cảnh trong tranh nói về mùa nào? -Bờ hồ trong tranh dùng làm gì?	4.Học thuộc lòng 2 khổ cuối bài thơ: -GVHDHS HTL 2 khổ cuối bài thơ.
NHẬN XÉT-DẶN DÒ: -Về đọc bài. Chuẩn bị: Ôn tập. -Nhận xét tiết học.	-Về đọc bài. Chuẩn bị: Bím tóc đuôi sam. -Nhận xét tiết học.

	TOÁN BÉ HƠN. DẤU <.	TV CHỮ HOA B.
MT:	1.Kiến thức: Bước đầu biết so sánh số lượng. -Bài 5: HS khá giỏi. -Bài 2: HS khá giỏi. 2.Kĩ năng: Biết sử dụng từ bé hơn, dấu < khi so sánh các số. 3.Thái độ: Tự giác trong học tập.	-Viết đúng chữ hoa B (1 dòng cỡ vừa 1 dòng cỡ nhỏ). -Chữ và câu ứng dụng: Bạn (1 dòng cỡ vừa 1 dòng cỡ nhỏ). Bạn bè sum họp (3 lần). -HS viết đúng, đều, đẹp. -Rèn HS tính cẩn thận trong quá trình viết.
ĐDDH:	-GV: Các mô hình, vật thật, SGK. -HS: Bảng con, Vở BT	-Chữ cái hoa. -Vở tập viết
HĐ dạy-học:		
Ổn định:		

<p>Ktbc: 2HS đếm 1-5, 5-1. Bài mới:</p>	<p>2HS viết: Ă, Â.</p>
<p>1. Giới thiệu 1<2: -GVHDHS quan sát tranh, so sánh số lượng. -Bên trái có mấy ô tô? Bên phải có mấy ô tô? Bên trái có 1 ô tô, bên phải có 2 ô tô. -1 ô tô có ít hơn 2 ô tô không? Ít hơn. -HS nhìn tranh nêu: 1 ô tô ít hơn 2 ô tô. -Các hình còn lại (tt). -GV: 1 ô tô ít hơn 2 ô tô, 1 hình vuông ít hơn 2 hình vuông. Ta nói : Một bé hơn hai và viết: $1 < 2$ -GV viết bảng $1 < 2$ và giới thiệu dấu $<$ đọc là bé hơn. -GV chỉ vào $1 < 2$ và gọi HS đọc.</p>	<p>1. Giới thiệu bài: 2. HD viết chữ hoa: a. HDHS quan sát và nhận xét: -Giúp HS nhận xét chữ mẫu: Cao 5li gồm 2 nét.</p>  <p>-GVHD cách viết. -GV viết bảng B nhắc lại cách viết.</p>
<p>2. Giới thiệu 2<3: (tt). -GV ghi bảng : $1 < 3$, $2 < 5$, $3 < 4$, $4 < 5$. HS đọc.</p>	<p>b. HDHS viết bảng con.</p>
<p>3. Thực hành. *Bài 1: -HS viết dấu $<$ 1 hàng.</p>	<p>3. HD viết câu ứng dụng: a. Giới thiệu câu ứng dụng. -HS đọc câu ứng dụng: Bạn bè sum họp. -GV giúp HS hiểu nghĩa.</p>
<p>*Bài 2: Viết theo mẫu. -HDHS đếm rồi so sánh theo mẫu. -Nhận xét. $3 < 5$ $2 < 4$ $4 < 5$</p>	<p>b. HDHS quan sát và nhận xét: -Độ cao các chữ cái. +B, b, h cao 5 ôli. +s cao 1,25 ôli. +a, n, u, e, m, o cao 1 ôli. -Khoảng cách giữa các chữ. -GV viết mẫu: Bạn.</p>
<p>*Bài 3: Gọi vài HS nêu kết quả. -Nhận xét. $1 < 3$ $2 < 5$ $3 < 4$ $1 < 5$</p>	<p>c. HDHS viết bảng con.</p>
<p>*Bài 4: -HDHS làm bài. Nêu kết quả. Nhận xét. $1 < 2$ $2 < 3$ $3 < 4$ $4 < 5$ $2 < 4$ $3 < 5$</p>	<p>4. HDHS viết vào tập viết.</p>
<p>*Bài 5: GVHDHS thi đua nối nhanh.</p>	<p>5. Chấm điểm chữa bài.</p>
<p>NHẬN XÉT-DẶN DÒ: -Về làm VBT. Chuẩn bị: Lớn hơn. Dấu $>$ -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-Về viết phần B. Chuẩn bị: C. -Nhận xét tiết học.</p>

	ĐĐ GỌN GÀNG, SẠCH SẼ (T1) (GDMT liên hệ).	TC GẤP MÁY BAY PHẢN LỰC (T1).
MT:	<p>1.Kiến thức: Nêu được một số biểu hiện cụ thể về ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ.</p> <p>2.Kĩ năng: Biết lợi ích của ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ.</p> <p>3.Thái độ: Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân, đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ.</p>	<p>-Biết cách gấp máy bay phản lực.</p> <p>-HS khéo tay: Gấp được máy bay phản lực. Các nếp gấp phẳng thẳng. Máy bay sử dụng được.</p> <p>-Gấp được máy bay phản lực. Các nếp gấp tương đối phẳng thẳng.</p> <p>-Yêu thích dẫn phẩm lao động do mình làm ra.</p>
ĐDDH: -GV: SGK. -HS: Lược, bút chì.		<p>-Máy bay mẫu, qui trình gấp, giấy màu, hồ...</p> <p>-Giấy màu, hồ...</p>
HD dạy-học:		
<p>Ổn định:</p> <p>Ktbc: 2HS nêu: là HS lớp 1 em cần phải làm gì?</p> <p>Bài mới:</p>		GV kiểm tra dụng cụ HS.
<p>*HD 1: HS thảo luận.</p> <p>-HS nêu tên bạn nào trong lớp có đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ.</p> <p>-Vì sao em cho rằng bạn đó gọn gàng, sạch sẽ?</p> <p>-HS nhận xét đầu tóc, áo quần của bạn.</p>		<p>1.HDHS quan sát nhận xét:</p> <p>-GV giới thiệu mẫu gấp máy bay phản lực.</p> <p>-HS so sánh với mẫu gấp tên lửa.</p>
<p>*HD 2: HS làm bài 1.</p> <p>-GV y/c: tìm bạn có đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ.</p> <p>-Giải thích tại sao em cho là gọn gàng, sạch sẽ hoặc ntn chưa gọn gàng, sạch sẽ, nên sửa ntn để gọn gàng, sạch sẽ.</p> <p>-Áo rách : vá lại áo.</p> <p>-Áo bẩn : giặt sạch.</p> <p>-Cài lệch áo: cài lại áo.</p> <p>-Quần ống thấp ống cao: sửa lại.</p>		<p>2.GVHD mẫu:</p> <p>Bước 1: Gấp tạo mũi, thân, cánh.</p> <p>-Gấp đôi tờ giấy theo chiều dài, mở ra gấp theo đường dấu gấp ở H1 được H 2.</p> <p>-Gấp phần trên vừa gấp xuống theo đường dấu gấp ở H 2. Cho đỉnh A nằm trên đường dấu giữa được H3.</p> <p>-Gấp theo đường dấu gấp H3 cho 2 đỉnh tiếp giáp nhau ở đường dấu giữa, điểm tiếp giáp cách mép gấp phía trên 1/3 chiều cao được H4.</p> <p>-Gấp theo đường dấu gấp ở H4 cho đỉnh A ngược lên trên giữ chặt 2 nếp gấp bên được H5.</p> <p>Bước 2: Tạo máy bay phản lực.</p> <p>-Bẻ các nếp gấp sang 2 bên đường dấu giữa được máy bay phản lực.</p>
<p>*HD 3: HS làm bài 2.</p> <p>-Y/c HS chọn áo quần phù hợp cho bạn nam và</p>		<p>-Gọi HS thao tác các bước gấp máy bay phản lực.</p>

bạn nữ trong tranh. -HS làm bài tập. -Trình bày ý kiến. -Nhận xét bổ xung. =>KL:-Quần áo đi học cần phẳng phiu, gọn gàng, sạch sẽ, lành lặn... -Không mặc quần áo rách, lệch nút, bẩn, xộc xệch đến lớp. *GDMT: Gọn gàng, sạch sẽ thể hiện người có nếp sống sinh hoạt văn hóa góp phần giữ gìn vệ sinh môi trường, làm cho môi trường sạch đẹp, văn minh. -TKNL: Gọn gàng sạch sẽ trong ăn mặc, sinh hoạt là một cách góp phần tiết kiệm nước sinh hoạt, tiết kiệm năng lượng trong khai thác, sản xuất nước sinh hoạt, bảo vệ môi trường.	-HS gấp bằng giấy nháp.
NHẬN XÉT-DẶN DỒ: -Về ôn bài. Chuẩn bị: Tiết 2. -Nhận xét tiết học.	-Về tập gấp. Chuẩn bị: Tiết 2. -Nhận xét tiết học.

	TV ÔN TẬP.	TOÁN LUYỆN TẬP.
MT:	1.Kiến thức: Đọc, được: ê, v, l, h, o, c, o, ơ. Các từ ngữ, câu ứng dụng từ bài 7-11. 2.Kĩ năng: Viết được: ê, v, l, h, o, c, o, ơ. Các từ ngữ, câu ứng dụng từ bài 7-11. -Nghe hiểu, kể được một đoạn truyện theo tranh truyện kể: hổ. 3.Thái độ: Tự giác trong học tập.	-Biết cộng nhẩm dạng 9+1+5. -Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 26+4, 36+24. -Bài 1: dòng 2 HS khá giỏi. -Bài 5: HS khá giỏi. -Biết giải bài toán bằng 1 phép tính cộng. -Tích cực làm bài.
ĐDDH: -GV: Bảng ôn, SGK, tranh minh họa câu chuyện. -HS; SGK, bảng con, vở BT.		-Bảng phụ, SGK. -Bảng con, vở BT.
HĐ dạy-học:		
Ôn định: Ktbc: 2HS đọc bài: t, th. Bài mới:		2HS tính: $\begin{array}{r} 29 \\ + 11 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 34 \\ + 16 \\ \hline \end{array}$
-GVHDHS nêu tên những âm đã học. HS nêu. -GV ghi bảng những âm HS nêu.		*Bài 1: HS tính nhẩm. -HS đọc từng, nêu kết quả

	<p>-Nhận xét. $9+1+5=15$ $8+2+6=16$ $9+1+8=18$ $8+2+1=11$</p>
<p>-GV gắn bảng ôn. HS chỉ âm vừa học trong tuần ở bảng ôn 1. -GV đọc âm, HS chỉ chữ. HS chỉ chữ và đọc âm.</p>	<p>*Bài 2: Tính. -HS làm bài. Lưu ý HS viết thẳng cột.</p> $\begin{array}{r} 36 \\ + 4 \\ \hline 40 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 33 \\ \hline 40 \end{array} \quad \begin{array}{r} 24 \\ + 45 \\ \hline 70 \end{array}$
<p>-GV cho HS đọc các tiếng kết hợp giữa cột dọc và dòng ngang. -HS đọc các tiếng cột dọc kết hợp với dấu thanh ở hàng ngang bảng ôn 2. -GV sửa lỗi phát âm.</p>	<p>*Bài 3: Đặt tính rồi tính. -HS làm bài, nêu kết quả. -Nhận xét.</p> $\begin{array}{r} 24 \\ + 6 \\ \hline 30 \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ + 12 \\ \hline 50 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 27 \\ \hline 30 \end{array}$
<p>-GVHDHS đọc các từ ngữ ứng dụng. Cá nhân, lớp. -HS viết bảng con từ ứng dụng.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p>	<p>*Bài 4: HS đọc đề rồi giải -Nhận xét.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải Số HS lớp học đó có: $14+16=30$ (HS). ĐS: 30 HS.</p>
<p>-HS viết tập viết.</p>	<p>*Bài 5: HS nhìn vào tranh tính nhẩm rồi nêu câu trả lời. -Đoạn thẳng AB dài 10 cm hoặc 1dm.</p>
<p>NHẬN XÉT-DẶN DÒ: -Chuẩn bị: Tiết 2 -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-VỀ làm VBT. Chuẩn bị: 9 cộng với 1 số: $9+5$. -Nhận xét tiết học.</p>

	TV ÔN TẬP.	CT NV: GỌI BẠN.
MT:	Tiết 1.	1.Kiến thức: Nghe-viết lại chính xác, trình bày đúng 2 khổ thơ cuối bài thơ: Gọi bạn. 2.Kĩ năng: Làm đúng BT2, BT3 a/b. 3.Thái độ: HS viết cẩn thận.
ĐDDH:		-GV: Bảng phụ viết BT, SGK. -HS: SGK, tập, vở BT.
HĐ dạy-học:		
Ổn định: Ktbc: Bài mới: (Tiết2).		2HS viết bảng: nghe ngóng, nghỉ ngơi.
a.Luyện đọc: -Đọc lại bảng ôn. Cá nhân, lớp.		1.Giới thiệu bài: 2.Hướng dẫn nghe viết.

	a.HDHS chuẩn bị: -GV đọc bài. 2,3 HS đọc lại.
-GV giới thiệu câu ứng dụng. -HS thảo luận tranh. -HS đọc câu. -GV sửa sai, đọc mẫu. 2,3 HS đọc lại.	-Giúp HS nắm nội dung bài: +Bê Vàng và Dê Trắng gặp phải hoàn cảnh khó khăn ntn? Trời hạn hán, suối cạn hết nước...nuôi sống đôi bạn. +Thấy Bê Vàng không trở về, Dê Trắng đã làm gì? Dê Trắng chạy khắp nơi để tìm bạn. +Bài chính tả có những chữ nào viết hoa? Vì sao? Viết hoa chữ cái đầu dòng, viết hoa tên riêng. -HS viết bảng con từ khó: suối cạn, quên đường...
b.Luyện viết: -HS viết tập viết.	b.HS nghe GV đọc viết bài vào vở. c.Chấm và chữa bài:
c.Kể chuyện :hồ -GV treo tranh kể lần 1. HS lắng nghe. -GV kể lần 2 kết hợp chỉ tranh. +Tranh 1: Hồ...Mèo nhận lời. +Tranh 2 :Hàng ngày, Hồ đến lớp, học tập chuyên cần. +Tranh 3: Một lần... ăn thịt. +Tranh 4 : Nhân lúc Hồ sơ ý...bắt lửng.	3.Bài tập. *Bài 2: 1 HS nêu yêu cầu. -Lớp làm bảng con. -2 HS lên bảng, đọc kết quả. -Nhận xét. +nghe ngả, nghi ngờ, nghe ngóng, ngon ngọt.
-GV chia nhóm thảo luận. -HS thảo luận nhóm. -Đại diện nhóm kể. =>Ý nghĩa: Hồ là con vật vô ơn đáng khinh bỉ.	*Bài 3: GV nêu y/c. -HS làm bài, đọc bài làm. -Nhận xét. +trò chuyện, chăm chỉ, trắng tinh, che chở. +cây gỗ, gậy gỗ, màu mỡ, cửa mở.
NHẬN XÉT-DẶN DÒ: -Về ôn bài. Chuẩn bị: i, a. -Nhận xét tiết học.	-Về làm VBT. Chuẩn bị: Bím tóc đuôi sam. -Nhận xét tiết học.

	TOÁN LỚN HƠN. DẤU >.	LTVC TỪ CHỈ SỰ VẬT. CÂU KIỂU: AI, LÀ GÌ?
MT:	1.Kiến thức: Bước đầu biết so sánh số lượng. -Bài 5: HS khá giỏi. 2.Kĩ năng: Biết sử dụng từ lớn hơn, dấu > khi so sánh các số. 3.Thái độ: Hứng thú khi học kiến thức mới.	-Tìm đúng các từ chỉ sự vật theo tranh vẽ và bảng từ gợi ý. -Biết đặt câu theo mẫu Ai (hoặc cái gì, con gì) là gì? -Chăm chú nghe giảng bài.

ĐDDH: -GV: Các mô hình, vật thật, SGK. -HS: Bảng con, Vở BT	-Tranh vẽ SGK. -SGK, vở BT.
HD dạy-học:	
Ổn định: Ktbc: 2HS so sánh: 1... 3 2...5. Bài mới:	2HS làm bài 3 (tuần 2).
1.Giới thiệu 2>1: -GVHDHS: -Bên trái có mấy con bướm? Bên phải có mấy con bướm? Bên trái có 2 con, bên phải có 1 con. -2 con bướm có nhiều hơn 1 con bướm không? Nhiều hơn. -HS nhìn tranh nhắc: 2 con bướm nhiều hơn 1 con bướm. -GVHDHS các hình còn lại (tt). -GV:2 con bướm nhiều hơn 1 con bướm, 2 htròn nhiều hơn 1 htròn. Ta nói :Hai lớn hơn một và viết: 2>1. Viết bảng 21 và giới thiệu dấu > đọc là lớn hơn. -GV chỉ vào 2>1 và gọi HS đọc: Hai lớn hơn 1. 2.Giới thiệu 3>1(tt) -GV viết bảng :3>1, 3>2,4>2, 5>3,... -HDHS phân biệt sự khác nhau của dấu < và dấu >.	1.Giới thiệu bài: 2.HD làm bài tập: *Bài 1: (miệng). -HS đọc yêu cầu của bài. -Cả lớp quan sát từng tranh, suy nghĩ, tìm từ. -Nhận xét +bộ đội, công nhân, ô tô, máy bay, voi, trâu, dừa, mía.
3.Thực hành. *Bài 1: -HS viết 1 dòng dấu >. *Bài 2: -HDHS cách làm. -HS làm bài. Nhận xét. 5>3 4>2 3>1 *Bài 3: Viết theo mẫu. -HS làm bài. Đọc kết quả. Nhận xét. 4>3 5>2 5>4 3>2	*Bài 2: (miệng). -Tìm các từ chỉ sự vật: -GVHDHS đọc và làm bài. GV ghi bảng. -Nhận xét. +bạn, thước kẻ, cô giáo, thầy giáo, bảng, học trò, nai, cá heo, phượng vĩ, sách.
*Bài 4: Viết dấu > vào ô trống. 3>1 5>3 4>1 2>1 4>2 3>2 4>3 5>2 *Bài 5: GV tổ chức cho HS nối ô trống với số thích hợp.	*Bài 3: (viết). -GV nêu yêu cầu của bài, viết mẫu lên bảng. -1 HS đọc mô hình và câu mẫu. -HS làm bài, phát biểu ý kiến. -Nhận xét.
NHẬN XÉT-DẶN DÒ:	

-Về làm VBT. Chuẩn bị: luyện tập -Nhận xét tiết học.	-Về làm VBT. Chuẩn bị: Từ chỉ sự vật. -Nhận xét tiết học.
---	--

	MT MÀU VÀ VẼ MÀU VÀO HÌNH ĐƠN GIẢN.	MT VẼ THEO MẪU: VẼ LÁ CÂY (GDMT bộ phận)
MT:	<p>1.Kiến thức: Nhận biết 3 màu: đỏ, vàng, xanh lam. -HS khá giỏi: Cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh khi được tô màu.</p> <p>2.Kĩ năng: Biết chọn màu, vẽ màu vào hình đơn giản, tô được màu kín hình.</p> <p>3.Thái độ: Thích vẻ đẹp của bức tranh khi được tô màu.</p>	<p>-HS nhận biết được hình dáng, đặc điểm, màu sắc, vẻ đẹp của một vài loại lá cây. -HS khá giỏi: sắp xếp hình vẽ cân đối, biết chọn màu, vẽ màu phù hợp.</p> <p>-Biết cách vẽ lá cây. -Vẽ được một lá cây và vẽ màu theo ý thích. -Yêu thích vẽ tranh.</p>
ĐDDH:	-GV: Hình minh hoạ HD cách vẽ. -HS: Vở tập vẽ, màu.	-Tranh hoặc ảnh một vài loại lá cây. Hình minh hoạ HD cách vẽ lá cây. -Vở tập vẽ, màu.
HD dạy-học:		
Ổn định: Ktbc: GV kiểm tra dụng cụ HS. Bài mới:		GV kiểm tra dụng cụ HS.
1.Giới thiệu bài: -HS quan sát H1 vở tập vẽ. -GV giúp HS nhận ra 3 màu: đỏ vàng lam. -HS kể tên các màu ở H1 -Kể tên các vật có màu đỏ vàng lam. +Lá cờ màu đỏ, nón màu đỏ. +Cỏ cây màu xanh. Quả bóng màu lam. =>KL: Mọi vật xung quanh ta đều có màu sắc. Màu sắc làm cho mọi vật đẹp hơn. Màu đỏ vàng lam là 3 màu chính.		<p>*HD 1: Quan sát, nhận xét. -GV giới thiệu hình ảnh 1 số loại lá cây để HS thấy vẻ đẹp của chúng qua hình dáng và màu sắc: Lá bưởi, lá bàng, lá trầu... -Gợi ý để HS nói lên đặc điểm của 1 số loại lá cây. =>KL: Lá cây có hình dáng và màu sắc khác nhau.</p>
2.Thực hành. -Vẽ màu vào hình 2 3 4. -GV đặt câu hỏi gợi ý: +Lá cờ tổ quốc có ngôi sao màu gì? Ngôi sao màu vàng, nền màu đỏ. +Quả xoài màu gì? Khi chín màu gì? Chưa chín màu xanh, chín màu vàng. +Núi màu gì? Màu tím hoặc lam.		<p>*HD 2: Cách vẽ lá cây. -Y/c HS quan sát hình minh hoạ để các em nhận ra một số lá cây. -GV giới thiệu hình minh hoạ để HS thấy cách vẽ chiếc lá. +Vẽ hình dáng chung trước. +Nhìn mẫu vẽ các nét chi tiết cho giống chiếc lá. +Vẽ màu theo ý thích.</p>

<p>3. Thực hành.</p> <p>-GVHDHS tô màu. GV theo dõi, giúp đỡ HS tô màu.</p>	<p>*HĐ 3: Thực hành:</p> <p>-GV cho HS xem bài vẽ HS năm trước.</p> <p>-Gợi ý HS làm bài.</p> <p>*HĐ 4: Nhận xét-Đánh giá</p> <p>-GV chọn một số bài vẽ đẹp của HS để nhận xét, đánh giá.</p> <p>*GDMT: Giữ gìn bảo vệ không phá hoại cây cối góp phần tạo môi trường trong lành.</p>
<p>NHẬN XÉT-DẶN DÒ:</p> <p>-Chuẩn bị: Vẽ hình tam giác.</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	<p>-Về tập vẽ. Chuẩn bị: Vẽ tranh.</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>

		<p>TD</p> <p>QUAY PHẢI, QUAY TRÁI. ĐỘNG TÁC:</p> <p>VƯỜN THỎ VÀ TAY.</p>
<p>MT:</p>		<p>-Bước đầu biết cách thực hiện quay phải, quay trái. Nhận biết được hướng và quay đúng hướng.</p> <p>-Biết cách thực hiện 2 động tác: vươn thỏ và tay của bài TD phát triển chung.</p> <p>-Trò chơi: Qua đường lội. Biết cách chơi và thực hiện theo yêu cầu của trò chơi.</p>
<p>Địa điểm-Phương tiện:</p>		<p>Sân trường. Vệ sinh nơi tập.</p>
<p>Nội dung-PP lên lớp:</p>		<p>1.Phần mở đầu: 5'</p> <p>-GV phổ biến nội dung y/c giờ học.</p> <p>*Đứng vỗ tay và hát.</p> <div style="text-align: right; margin-right: 50px;"> <p>0 0 0 0 0</p> <p>0 0 0 0 0</p> <p>Δ</p> </div> <p>-Giậm chân tại chỗ, đếm theo nhịp.</p> <p>-Trò chơi khởi động (GV chọn).</p> <p>2.Phần cơ bản: 25'</p> <p>- Quay phải, quay trái: 4-5 lần.</p> <p>-Động tác vươn thỏ: 4-5 lần.</p> <p>+Nhịp1: chân trái sang ngang, đưa 2 tay sang ngang lên cao thẳng hướng, lòng bàn tay hướng vào nhau, hít vào sâu bằng mũi.</p> <p>+Nhịp 2: đưa 2 tay sang 2 bên xuống thấp, bắt chéo trước bụng, đầu cúi thỏ mạnh ra bằng miệng.</p> <p>+Nhịp 3: 2 tay dang ngang bàn tay ngửa, mặt hướng trước, hít vào.</p>

	<p>+Nhịp 4: Về TTCB.</p> <p>+Nhịp 5, 6, 7: như trên nhưng chân phải sang ngang.</p> <div style="text-align: center;"> $\begin{matrix} 0 & 0 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 0 & 0 \\ & & & & \Delta \end{matrix}$ </div> <p>-Động tác tay: 4lần 2x8 nhịp.</p> <p>+Nhịp1: chân trái sang ngang, 2 tay ngang vai, bàn tay ngửa, mắt nhìn theo tay.</p> <p>+Nhịp 2: đưa 2 tay lên cao, vỗ 2 tay vào nhau, mặt hơi ngửa, mắt nhìn theo tay.</p> <p>+Nhịp 3: đưa 2 tay ra trước ngang vai, bàn tay sấp.</p> <p>+Nhịp 4: Về TTCB.</p> <p>*On 2 động tác mới học: 1-2 lần 2x8 nhịp.</p> <p>* Trò chơi “Qua đường lội”</p> <p>3.Phần kết thúc: 5’</p> <p>-Hệ thống lại bài học</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p> <div style="text-align: center;"> $\begin{matrix} 0 & 0 & 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 & 0 & 0 \\ & & & & \Delta \end{matrix}$ </div>
--	--

	TV i-a.	TOÁN 9 CỘNG VỚI MỘT SỐ: 9+5.
MT:	<p>1.Kiến thức: Đọc được: i, a, bi, cá. Từ và câu ứng dụng.</p> <p>2.Kĩ năng: Viết được: i, a, bi, cá. -Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: lá cờ.</p> <p>3.Thái độ: Tự tìm tòi khám phá kiến thức mới.</p>	<p>-Biết cách thực hiện phép cộng dạng 9+5, lập được bảng 9 cộng với một số.</p> <p>-Nhận biết trực giác về tính giao hoán của phép cộng.</p> <p>-Bài 3: HS khá giỏi.</p> <p>-Biết giải toán bằng 1 phép tính cộng.</p> <p>Tập trung trong giờ học.</p>
ĐDDH: -GV: Tranh minh hoạ từ khoá, câu ứng dụng, phần luyện nói. -Bảng con, SGK, tập viết.		<p>-Bài toán, bảng phụ, SGK.</p> <p>-Bảng con, SGK, vở BT.</p>
HĐ dạy-học:		
Ổn định: Ktbc: 2HS đọc viết bài: Ôn tập. Bài mới:		2HS tính: 29+1= 32+18=
-Hôm nay học âm và chữ mới: i-a.		1.Giới thiệu phép cộng: 9+5.

<p>-GV đọc: i-bi, a-cá. HS đọc theo GV.</p>	<p>-GV nêu bài toán. HS thao tác trên que tính. -GV khuyến khích HS tìm ra kết quả và ghi nhớ: $9+5=14$. 2.HDHS lập bảng cộng dạng 9 cộng với 1 số. $9+2=11$ $9+3=12$ $9+4=13$ $9+5=14$ $9+6=15$ $9+7=16$ $9+8=17$ $9+9=18$</p>
<p>-GV ghi bảng: i nói: i gồm 1 nét xiên phải và nét móc ngược, phía trên có dấu chấm. -GV phát âm: i. HS phát âm.</p>	<p>3.Thực hành. *Bài 1: Tính nhẩm. -HS làm bài. Giúp HS nhận ra $3+9$ cũng bằng $9+3$ đều bằng 12. $9+3=12$ $9+6=15$ $9+8=17$ $3+9=12$ $6+9=15$ $8+9=17$</p>
<p>-GV ghi bảng: i và đọc. HS đọc: i. -Vị trí. b đứng trước i đứng sau. -HD đánh vần: bờ-i-bi. HS đánh vần, đọc trơn.</p>	<p>*Bài 2: Tính -HS làm bài. -Lưu ý HS viết thẳng cột.</p> $\begin{array}{r} 9 \\ + 2 \\ \hline 11 \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + 8 \\ \hline 17 \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + 9 \\ \hline 18 \end{array}$
<p>-GVHD qui trình viết. -HS viết bảng con. -HD: a (tt). _____ _____ _____</p>	<p>*Bài 3: Tính. -Y/c HS tính nêu kết quả. -Nhận xét. $9+6+3=18$ $9+4+2=15$ $9+9+1=19$ $9+2+4=15$</p>
<p>-GV cho HS đọc tiếng, từ ứng dụng. Cá nhân nhóm. -Nhận xét sửa sai.</p>	<p>*Bài 4: -HS đọc đề toán rồi giải. -Nhận xét.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải. Số cây táo trong vườn có: $9+6=15$ (cây táo). ĐS: 15 cây táo.</p>
<p>NHẬN XÉT-DẶN DÒ: -Chuẩn bị: Tiết 2. -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-Về làm VBT. Chuẩn bị: $29+5$ -Nhận xét tiết học.</p>

	<p>TV i-a.</p>	<p>TLV SẮP XẾP CÂU TRONG BÀI. LẬP DANH SÁCH HỌC SINH.</p>
<p>MT:</p>	<p>Tiết 1.</p>	<p>1.Kiến thức: Sắp xếp đúng thứ tự các tranh trình, kể được nối tiếp từng đoạn câu chuyện: Gọi bạn.</p>

		<p>2.Kĩ năng: Xếp đúng thứ tự các câu trong truyện: Kiến và Chim Gáy. Lập được danh sách từ 3 đến 5 HS theo mẫu. GDKNS.</p> <p>3.Thái độ: Tự giác học tập. Phát biểu ý kiến.</p>
ĐDDH:		<p>-GV: Bảng phụ, SGK. -HS: SGK, vở BT.</p>
HD dạy-học:		
<p>Ổn định: Ktbc: Bài mới: Tiết 2.</p>		GV kiểm tra bản Tự thuật của HS.
<p>a.Luyện đọc: -HS lần lượt phát âm. Cá nhân, nhóm. -Đọc các từ ứng dụng. -GV giới thiệu câu ứng dụng. -HS thảo luận tranh. -HS đọc câu. -GV đọc mẫu. 2, 3HS đọc.</p>		<p>1.Giới thiệu bài: 2.HD làm bài tập: *Bài 1: (miệng) -HS đọc và xác định rõ 2 yêu cầu. +Sắp xếp lại thứ tự 4 tranh minh hoạ bài Gọi bạn . +Dựa theo nội dung 4 tranh kể lại câu chuyện. -GVHDHS làm bài. -HS quan sát tranh. Sau đó sắp xếp lại cho đúng thứ tự. -Nhận xét. (1-4-3-2).</p>
<p>b.Luyện viết: -HS viết tập viết.</p>		<p>*Bài 2: (miệng). -HS đọc y/c. -GVHDHS xếp các câu cho đúng thứ tự các sự việc xảy ra. -HS làm bài theo nhóm. HS đọc lại truyện (b-d-a-c). -HS đóng vai. *KNS: Khám phá và kết nối các sự việc, độc lập suy nghĩ. Biết hợp tác tìm kiếm và xử lý thông tin.</p>
<p>c.Luyện nói: lá cờ. -HS đọc tên bài. -Trong tranh vẽ gì ? Vẽ mấy lá cờ? -Lá cờ tổ quốc có nền màu gì? Ở giữa có gì? Màu gì? -Ngoài cờ tổ quốc em còn thấy những loại cờ nào?</p>		<p>*Bài 3: (Viết) -1 HS đọc yêu cầu của bài, đọc cả mẫu. -GV chia nhóm làm bài. -Đại diện các nhóm trình bày kết quả. -Nhận xét. HS làm bài vào vở BT.</p>
<p>NHẬN XÉT-DẶN DÒ: -Về đọc bài. Chuẩn bị: n-m. -Nhận xét tiết học.</p>		<p>-Về làm VBT. Chuẩn bị: 29+5 -Nhận xét tiết học.</p>

	TOÁN LUYỆN TẬP.	KC BẠN CỦA NAI NHỎ.
MT:	<p>1.Kiến thức: Biết sử dụng các dấu < > và các từ bé hơn, lớn hơn khi so sánh 2 số. -Bài 3: HS khá giỏi.</p> <p>2.Kĩ năng: Bước đầu biết diễn đạt sự so sánh theo quan hệ lớn hơn và bé hơn.</p> <p>3.Thái độ: Yêu thích học toán.</p>	<p>-Dựa theo tranh và gợi ý dưới mỗi tranh, nhắc lại được lời kể của Nai Nhỏ về bạn mình. Nhắc lại được lời của cha Nai Nhỏ sau mỗi lần nghe con kể về bạn. -HS khá, giỏi: Phân vai dựng lại câu chuyện. -Biết kể nối tiếp được từng đoạn câu chuyện dựa theo tranh minh họa ở BT1. -Kể chuyện một cách hào hứng.</p>
ĐDDH: -GV: SGK. -HS: bảng con, SGK, vở BT.		-Tranh minh họa câu chuyện. -SGK.
HD dạy-học:		
Ổn định: Ktbc: 2HS so sánh: 4...3 2...4 Bài mới:		3HS nối tiếp nhau kể chuyện: Phần thưởng.
*Bài 1: Viết dấu < > vào chỗ trống. -HS làm bài, đọc kết quả. -Nhận xét. 3<4 5>2 4>3 2<5 1<3 2<4 3>1 4>2		<p>1.Giới thiệu bài. 2.HD kể chuyện: a.Dựa theo tranh, nhắc lại lời kể của Nai Nhỏ về bạn: -1HS đọc yêu cầu của bài. -GV y/c HS quan sát kỹ 3 tranh, nhớ lại từng lời kể của Nai Nhỏ được diễn tả bằng hình ảnh. -1 HS khá giỏi làm mẫu. -HS tập kể theo nhóm. -Đại diện các nhóm thi nói lại lời kể của Nai Nhỏ.</p>
*Bài 2: Viết theo mẫu. -GVHDHS cách làm: so sánh số thỏ với số gà rồi viết kết quả. 4>3 5>4 3<4 4<5 5>3 3<5 3<5 5>4		<p>b.Nhắc lại lời của cha Nai Nhỏ sau mỗi lần nghe con kể về bạn. -HS nhìn từng tranh, nhớ và nhắc lại lời của cha Nai Nhỏ nói với Nai Nhỏ. -HS tập nói theo nhóm. -Các nhóm thi nói lời của cha nói với Nai Nhỏ. -Nhận xét.</p>
*Bài 3:Nối ô trống với số thích hợp. -GVHDHS so sánh để nối đúng. -Nhận xét.		<p>c.Phân vai: -Lần 1: GV làm người dẫn chuyện. -Lần 2: 3 HS dựng lại câu chuyện theo vai.</p>

NHẬN XÉT-DẶN DỒ: -Về làm VBT. Chuẩn bị: Bằng nhau. Dấu =. -Nhận xét tiết học.	-Về kể lại câu chuyện. Chuẩn bị: Bím tóc đuôi sam. -Nhận xét tiết học.
---	---

	AN HỌC HÁT: BÀI MỜI BẠN VUI MÚA CA (NHẠC VÀ LỜI: PHẠM TUYẾN).	AN ÔN TẬP BÀI HÁT: THẬT LÀ HAY.
MT:	1.Kiến thức: Biết hát theo giai điệu và lời ca. 2.Kĩ năng: Biết hát kết hợp vỗ tay theo bài hát. 3.Thái độ: Yêu thích ca hát.	-Biết hát theo giai điệu và đúng lời ca. -Biết hát kết hợp vận động phụ họa. -Yêu thích ca hát.
ĐDDH: -GV: Nhạc cụ, vài động tác phụ họa. -HS: vở tập hát.		
HD dạy-học:		
Ổn định: Ktbc: 2HS hát: Quê hương tươi đẹp Bài mới:		2HS hát Thật là hay.
*HD 1: Dạy bài hát. -Giới thiệu bài hát. -GV hát mẫu. HS lắng nghe. -Đọc lời ca. HS đọc lời ca theo GV. -Dạy hát từng câu, cả bài. HS hát theo GV.		*HD 1: Ôn tập. -GV bắt giọng cho HS hát. HS hát. -Lần 1: tốc độ vừa phải. -Lần 2: tốc độ nhanh hơn.
*HD 2: Hát kết hợp gõ đệm. -GV gõ theo phách cho HS hát. -GV cho HS vừa hát vừa vỗ tay theo tiết tấu. HS hát vỗ tay theo tiết tấu. -HS đứng và nhún chân nhịp nhàng. HS hát kết hợp nhún chân.		*HD 2: -HDHS tập đánh nhịp 2/4: 1 phách mạnh 1 phách nhẹ. -HS tập đánh nhịp. Vừa hát vừa đánh nhịp. -Vài HS biểu diễn trước lớp. *HD 3: Hát kết hợp gõ đệm. -Chia từng nhóm sử dụng nhạc cụ. -Tập gõ đệm theo âm hình tiết tấu. -Tập biểu diễn từng nhóm.
NHẬN XÉT-DẶN DỒ: -Về tập hát. Chuẩn bị: Ôn tập -Nhận xét tiết học.		-Về tập hát. Chuẩn bị: Xoè hoa. -Nhận xét tiết học.

Tuần 4

Lớp 1

Lớp 2

Thứ	Tiết	Môn	Bài Dạy	Môn	Bài Dạy
27.8	2	TNXH	Bảo vệ mắt và tai.	ĐĐ	Biết nhận lỗi và sửa lỗi (T2).
	3	TV	n-m.	T	29+5.
	4	TV		TĐ	Bím tóc đuôi sam.
	5	TC	Xé dán hình vuông.	TĐ	
28.8	1	TD	Đội hình đội ngũ. Trò chơi vận động.	TD	Động tác chân. Trò chơi: Kéo cưa lừa xẻ.
	2	TV	d-đ.	T	49+25.
	3	TV		TNXH	Làm gì để xương và cơ phát triển tốt.
	4	T	Bằng nhau. Dấu =.	CT	TC: Bím tóc đuôi sam.
29.8	1	TV	t-th.	T	Luyện tập.
	2	TV		TĐ	Trên chiếc bè.
	3	T	Luyện tập.	TV	Chữ hoa C.
	4	ĐĐ	Gọn gàng, sạch sẽ (T2).	TC	Gấp máy bay phản lực (T2).
30.8	1	TV	On tập.	T	8 cộng với một số: 8+5.
	2	TV		CT	NV: Trên chiếc bè.
	3	T	Luyện tập chung.	LTVC	Từ chỉ sự vật. Từ ngữ về ngày tháng năm.
	4	MT	Vẽ hình tam giác.	MT	Vẽ tranh: Đề tài vườn cây đơn giản .
	5			TD	Động tác lườn. Trò chơi: Kéo cưa lừa xẻ.
31.8	1	TV	Lễ, cọ, bờ, hổ.	T	28+5.
	2	TV	Mơ, do, ta, thơ.	TLV	Cảm ơn. Xin lỗi.
	3	T	Số 6.	KC	Bím tóc đuôi sam.
	4	AN	On tập bài hát: Mời bạn vui múa ca. TC: Theo bài đồng dao: Ngựa ông đã về.	AN	Học hát bài: Xòe hoa.
	5	SHL			

TUẦN 4

	TNXH BẢO VỆ MẮT VÀ TAI.	ĐĐ BIẾT NHẬN LỖI VÀ SỬA LỖI (T2).
MT:	<p>1.Kiến thức: Nêu được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ mắt và tai.</p> <p>2.Kĩ năng: Biết cách bảo vệ mắt và tai.</p> <p>GDKNS.</p> <p>3.Thái độ: Tự giác vệ sinh, giữ gìn mắt và tai sạch sẽ.</p>	Tiết 1.
HD dạy-học		
<p>Ổn định:</p> <p>Ktbc: 2HS nêu: Ta cần làm gì với các giác quan?</p> <p>Bài mới:</p>		2HS nêu: Vì sao phải biết nhận lỗi và sửa lỗi?
<p>*HD 1: Làm việc với SGK.</p> <p>MT: HS nhận ra việc gì nên làm và không nên làm để bảo vệ mắt.</p> <p>Tiến hành:</p> <p>-Khi có ánh sáng chói chiếu vào mắt,bạn trong hình lấy tay che mắt, việc làm đó là đúng hay sai? chúng ta có nên học tập bạn đó không?</p> <p>-HS thảo luận nhóm.</p> <p>-HS hỏi và trả lời theo HD của GV</p> <p>*KNS: HS biết cách chăm sóc mắt và tai.</p>		<p>*HD 1: Đóng vai theo tình huống.</p> <p>MT: Giúp HS lựa chọn và thực hành hành vi nhận và sửa lỗi.</p> <p>Tiến hành:</p> <p>-GV chia nhóm giao việc.</p> <p>a.Lan đang trách Tuấn...mình. Em sẽ làm gì nếu em là Tuấn?</p> <p>b.Nhà cửa...chưa. Em sẽ làm gì nếu em là Châu?</p> <p>c.Tuyệt mếu máo...rồi. Em sẽ làm gì nếu em là Trường?</p> <p>d.Xuân quên...ở nhà Em sẽ làm gì nếu em là Xuân?</p> <p>-Các nhóm chuẩn bị đóng vai 1 tình huống.</p> <p>-Đại diện lên trình bày.</p> <p>-Cả lớp nhận xét.</p> <p>=>KL: Khi có lỗi, biết nhận và sửa lỗi là dũng cảm và đáng khen.</p>

<p>*HĐ 2: Làm việc với SGK MT: HS nhận ra việc gì nên làm và không nên làm để bảo vệ tai Tiến hành: - HS quan sát hình SGK. - Hai bạn đang làm gì? - Việc làm đó là đúng hay sai? - Tại sao không nên lấy vật nhọn chọc vào tai ? =>KL: - Nhờ có mắt ,mũi ,tai, lưỡi, da mà chúng ta nhận biết được mọi vật xung quanh, nếu một trong những giác quan đó bị hỏng chúng ta sẽ không thể biết được đầy đủ về các vật xung quanh. Vì vậy chúng ta cần phải bảo vệ và giữ gìn các giác quan của cơ thể. *KNS: HS biết việc nên làm và không nên làm để bảo vệ mắt và tai.</p>	<p>*HĐ 2: Thảo luận. MT: Giúp HS hiểu việc bày tỏ ý kiến và thái độ khi có lỗi để người khác hiểu đúng mình là việc làm cần thiết, là quyền của từng cá nhân. Tiến hành: - GV chia nhóm giao việc. - Các nhóm thảo luận . - Đại diện lên trình bày. - Cả lớp nhận xét. =>KL:- Cần bày tỏ ý kiến của mình khi bị người khác hiểu nhầm. - Nên lắng nghe để hiểu người khác, không trách lỗi nhầm cho bạn.</p>
<p>*HĐ 3: Đóng vai. MT : Tập ứng xử để bảo vệ mắt và tai. Tiến hành : - GV giao nhiệm vụ cho nhóm. + Nhóm 1: Thảo luận phân công đóng vai theo tình huống. + Nhóm 2 :Thảo luận phân công đóng vai theo tình huống. - 2 nhóm thảo luận phân công đóng vai. - 2 nhóm đóng vai. - Nhận xét. *KNS: Biết cách ứng xử trong các tình huống để bảo vệ mắt và tai.</p>	<p>*HĐ 3: Tự liên hệ . MT: Giúp HS đánh giá, lựa chọn hành vi hận và sửa lỗi từ kinh nghiệm bản thân. Tiến hành: - HS kể trường hợp bị mắc và sửa lỗi. - GV cùng HS phân tích tìm cách giải quyết. =>KL chung: Ai cũng có khi mắc lỗi. Điều quan trọng là phải biết nhận và sửa lỗi. Như vậy, em sẽ mau tiến bộ và được mọi người yêu quý.</p>
<p>NHẬN XÉT-DẶN DÒ: - Về ôn bài. Chuẩn bị: Giữ gìn sách vở, đồ dùng học tập. - Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Về ôn bài. Chuẩn bị: Gọn gàng, ngăn nắp. - Nhận xét tiết học.</p>

	TV n-m.	TOÁN 29+5.
MT:	<p>1.Kiến thức: Đọc được: n, m, nơ, me. Từ và câu ứng dụng.</p> <p>2.Kĩ năng: Viết được: n, m, nơ, me.</p>	<p>-Biết cách thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 29+5. -Biết số hạng, tổng. -Bài 1: cột 4,5 HS khá giỏi. -Bài 2: câu c HS khá giỏi. -Biết giải bài toán bằng một phép tính cộng.</p>